

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **184/2019/HNGĐ- ST**

Ngày 12/7/2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Vượng

2. Bà Hoàng Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13/6/2019 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Trú tại: khu 2, A, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Phú Thọ.

** Bị đơn:* anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1988.

Trú tại: Đội 1., A, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S; cùng trú tại: khu 2, A, xã Tr, huyện Ph, tỉnh Phú Thọ.

(chị T, ông Ph, bà S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Đức Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/8/2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện S theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm ăn sinh sống tại xã T, huyện S một thời gian, sau đó vợ chồng đi làm thuê ở Hà Nội. Quá

trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, không hòa hợp nên thường hay cãi chửi nhau. Từ năm 2017 đến nay chị và anh Th sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: chị và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức C - sinh ngày 15/7/2012. Từ khi sống ly thân anh chị gửi cháu C cho bố mẹ đẻ của chị là ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S chăm sóc quản lý. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu cho chị nuôi dưỡng, chị không có mặt ở địa phương chị sẽ tiếp tục nhờ bố mẹ đẻ của chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu C và không cần anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: chị và anh Th tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: không có.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đức Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn đúng như lời chị T đã trình bày. Nay chị T làm đơn ly hôn anh nhất trí ly hôn.

Về con chung như chị T trình bày là đúng: khi ly hôn, do chị T không có mặt tại địa phương nên đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai chung: anh và chị T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S đều trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, việc mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến ly hôn của chị T và anh Th gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, việc ly hôn do chị T và anh Th tự quyết định, ông bà không có ý kiến gì. Về con chung: chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức C - sinh ngày 15/7/2012. Từ bé cháu C có thời gian ở cùng bố mẹ đẻ, có thời gian ở cùng ông bà nội, ngoại hai bên. Tuy nhiên từ năm 2017 đến nay, chị T và anh Th sống ly thân, chị T đưa cháu C về nhờ ông bà quản lý, nuôi dưỡng, thỉnh thoảng anh chị có về thăm con. Hiện nay chị T đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, chị T cũng trao đổi đề nghị ông bà tiếp tục nuôi dưỡng giúp cháu Nguyễn Đức C.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều đề nghị Tòa án không phải tiến hành hòa giải nhiều lần vì gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không được.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp*

ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức Th. Giao cháu Nguyễn Đức C - sinh ngày 15/7/2012 cho anh Nguyễn Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị T và anh Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn Đức Th đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại xã T, huyện S. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th nhất trí xử vắng mặt chị T, ông Ph và bà S. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, HĐXX nhận định: Căn cứ lời khai của chị T, anh Th trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và anh Th đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hòa giải ngày 13/6/2019, chị T và anh Th đã thống nhất thuận tình ly hôn, đơn xin xét xử vắng mặt chị T giữ nguyên quan điểm được ly hôn với anh Th, anh Th nhất trí ly hôn. Vì vậy HĐXX cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Th theo quy định tại điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: cháu Nguyễn Đức C – sinh ngày 15/7/2012, từ khi sinh ra đến nay cả chị T và anh Th đều có trách nhiệm nuôi dưỡng. Từ năm 2017 do vợ chồng mâu thuẫn nên chị T đưa cháu C về ở cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S tại thôn An Lãng, xã Trị Quận, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nhờ ông bà trực tiếp nuôi dưỡng. Từ đó anh Th đi làm thuê, chị T đi học tiếng Nhật Bản để xuất khẩu lao động thỉnh thoảng về quê thăm nom con. Hiện nay anh Th đã được bố mẹ cho nhà đất ở ổn định tại xã Tam Đa, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang và đang làm việc có thu nhập ổn định là 15.500.000đ/ 1 tháng. Đối với chị T, quá trình giải quyết vụ án cung cấp cho Tòa án bảng lương thu nhập trung bình là 6.000.000đ/ 1 tháng và hợp đồng phải cử đi thực tập sinh, trước thời điểm làm đơn ly hôn chị T sống nhờ bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S. Kết quả xác minh cho thấy hiện tại chị T không có mặt tại địa phương. Tham vấn ý kiến của cơ quan chuyên môn về việc giao nuôi con chung khi ly hôn có ý kiến: đề nghị Tòa án cân nhắc vào hoàn cảnh thực tế, nơi ăn ở, thu nhập của mỗi bên để giao cháu C cho bố hoặc mẹ nuôi trên cơ sở tốt nhất cho trẻ em. HĐXX nhận thấy cháu C là con trai, hiện nay chị T không có mặt tại địa phương, anh Th có chỗ ở và thu nhập ổn định, có đầy đủ năng lực hành vi và điều kiện nuôi dạy con cái nên cần giao cháu C cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Đức C cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục.

[6] Ý kiến của ông Ph và bà S đều đề nghị Tòa án giao cháu C cho chị T nuôi, chị T vắng mặt nhưng ông bà sẽ nuôi giúp. HĐXX nhận định do bố đẻ cháu là anh Nguyễn Đức Th hiện có khả năng nuôi con và có nguyện vọng nuôi con nên ý kiến của ông Ph và bà S không có cơ sở để xem xét.

[7] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị T và anh Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Th không phải nộp án phí.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Nguyễn Đức Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đức C - sinh ngày 15/7/2012 cho anh Nguyễn Đức Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Hiện tại cháu C đang do ông Nguyễn Thế Ph và bà Trần Thị Hồng S trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng. Ông Ph và bà S có trách nhiệm giao cháu C cho anh Th để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0000935 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nguyễn Đức Th không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2019), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã T, huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan

Nguyễn Văn Toàn

